

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	4
BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	5 - 7
BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	8-11
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	12-13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tên giao dịch của Công ty là: EuroCapital Securities Joint Stock Company. Tên viết tắt là ECC

Vốn điều lệ của Công ty: 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính tại: Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 57 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động, các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong 6 tháng đầu năm 2012 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Nguyễn Cảnh Sơn	Chủ tịch
Ngô Chí Dũng	Thành viên
Ngô Phương Chí	Thành viên

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong 6 tháng đầu năm 2012 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ngô Bích Thanh	Tổng Giám đốc
Vũ Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, Công ty sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Thông tư 266/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng cam kết rằng không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngô Bích Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2012

Số: 329/2012/MKNAG/BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 11. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910- Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và sử dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc soát xét đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty chưa đánh giá lại các khoản chứng khoán chưa niêm yết (OTC) trong các hoạt động đầu tư do hiện tại Bộ tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này tại thời điểm đánh giá.

Dựa trên cơ sở soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng trọng yếu (nếu có) của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tổng giá trị rủi ro, vốn khả dụng và tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính,



Hoàng Tiến Lợi
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0234/KTV



Phan Lê Thành Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0922/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIỆT NAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	150.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	1.231.131.246		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.115.772.807		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(51.504.443.504)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		3.903.963.351	
1A	Tổng			97.938.497.198
B	Tài sản ngắn hạn		551.171.879	
I	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
II	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		316.493.319	
1.	Phải thu của khách hàng			
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
2.	Trả trước cho người bán		225.233.285	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
5.	Các khoản phải thu khác			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		91.260.034	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		234.678.560	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ		-	
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			551.171.879

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn		7.092.371.387	
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4.	Phải thu dài hạn khác			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định		5.576.609.566	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con		-	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5</i>		-	
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác		1.515.761.821	
	Các chỉ tiêu tài sản dài hạn bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		7.092.371.387	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C			90.294.953.932	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1. Tiền mặt (VND)	0%	40.374.031	-
2. Các khoản tương đương tiền	0%	19.587.000.000	-
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	5%	-	-
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	8%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-
IV. Cổ phiếu			1.790.697.906
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.159.638.375
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	395.827.311

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	1.139.100	227.820
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	470.008.800	235.004.400
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14.	Quỹ thành viên	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				1.790.697.906

BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

B. RỦI RO THANH TOÁN								
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro					Tổng giá trị rủi ro	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán					12.375.220.000			
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm					1.175.220.000	11.200.000.000	12.375.220.000
2.	Cho vay chứng khoán					-		-
3.	Vay chứng khoán					-		-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại					-		-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại					-		-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					-		-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán					-			
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-		-		
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-		-		
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-		-		
4.	Từ 60 ngày trở đi			-		-		
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)					-			
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)					12.375.220.000			

BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	7.607.863.618
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí 1. Chi phí khấu hao 2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn 3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn 4. Dự phòng phải thu khó đòi	(14.391.055.246) 2.038.551.188 (16.429.606.434)
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	21.998.918.864
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	5.499.729.716
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	30.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		30.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		44.165.917.906

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.790.697.906	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	12.375.220.000	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	30.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	44.165.917.906	
5.	Vốn khả dụng	90.294.953.932	
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	204,44	

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2012



Tổng Giám đốc

Ngô Bích Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng ít rủi ro và dễ chuyển thành một khoản tiền nhất định kể từ ngày mua.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí trong năm tài chính. Các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài lệ an toàn tài chính kèm theo

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo soát xét báo cáo tài chính cùng kỳ

Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên trên báo cáo soát xét báo cáo tài chính cùng kỳ như sau: "Tại thời điểm 30/6/2012, Công ty chưa đánh giá lại các khoản chứng khoán chưa niêm yết (OTC) trong các hoạt động đầu tư do hiện tại Bộ tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này tại thời điểm đánh giá". Ban lãnh đạo Công ty ước tính không có sự sụt giảm về giá trị đáng kể đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết có giá gốc là 470.008.800 đồng tới tỷ lệ an toàn vốn khả dụng. Công ty đã tính giá trị rủi ro thị trường với hệ số rủi ro là 50%. Công ty ước tính rằng nếu loại trừ toàn bộ giá trị của các khoản đầu tư trên ra khỏi vốn khả dụng thì tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty là 203,36%.

Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ tài chính và chỉ sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Ngô Bích Thanh